

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN

Kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

(03/02/1930 - 03/02/2020)

Phần 1

QUÁ TRÌNH RA ĐỜI, XÂY DỰNG, TRƯỞNG THÀNH VÀ NHỮNG MỐC SON CHÓI LỢI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 90 NĂM QUA

I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI LÀ BƯỚC NGOẶT TO LỚN TRONG LỊCH SỬ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Bối cảnh lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1. Bối cảnh quốc tế

Từ cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa đế quốc. Các nước tư bản đế quốc thực hiện chính sách: bên trong tăng cường bóc lột nhân dân lao động, bên ngoài gia tăng các hoạt động xâm lược và áp bức nhân dân các dân tộc thuộc địa. Sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc làm đời sống nhân dân lao động trên thế giới trở nên cùng cực. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa thực dân ngày càng gay gắt. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ ở các nước thuộc địa.

Năm 1917, với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, chủ nghĩa Mác-Lênin từ lý luận đã trở thành hiện thực, mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người; là ánh sáng soi đường cho các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Tháng 3 năm 1919, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) ra đời đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Đối với Việt Nam, Quốc tế Cộng sản có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.2. Bối cảnh trong nước

- Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và từng bước thiết lập bộ máy thống trị, biến nước ta từ một quốc gia phong kiến thành “*một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác*”. Chính sách thống trị của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi.

Về chính trị, thực dân Pháp thi hành chính sách cai trị thực dân, tước bỏ quyền lực đối nội, đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn, đó là một

Về chính trị, thực dân Pháp thi hành chính sách cai trị thực dân, tước bỏ quyền lực đối nội, đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn, đó là một chính sách chuyên chế điển hình, chúng đàn áp đẫm máu các phong trào và hành động yêu nước của người Việt Nam, mọi quyền tự do bị cấm. Chúng chia rẽ ba nước Đông Dương, chia Việt Nam thành ba kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ) và thực hiện ở mỗi kỳ một chế độ cai trị riêng.

Về kinh tế, thực dân Pháp cấu kết với giai cấp địa chủ để thực hiện chính sách bóc lột tàn bạo, cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền; ra sức vơ vét tài nguyên, cùng nhiều hình thức thuế khóa nặng nề, vô lý; xây dựng một số cơ sở công nghiệp, hệ thống đường giao thông, bên cạnh phục vụ chính sách khai thác thuộc địa.

Về văn hóa, thực dân Pháp tiến hành chính sách ngu dân, chúng bưng bít, ngăn cản ảnh hưởng của văn hóa tiên bộ trên thế giới, khuyến khích văn hóa độc hại, xuyên tạc lịch sử, giả trị văn hóa Việt Nam và dung túng, duy trì các hủ tục lạc hậu.

- Sự phân hóa giai cấp và mâu thuẫn xã hội diễn ra ngày càng gay gắt

Phần lớn giai cấp địa chủ cấu kết với thực dân Pháp ra sức bóc lột nông dân; một bộ phận địa chủ có lòng yêu nước, đã tham gia đấu tranh chống Pháp dưới các hình thức và mức độ khác nhau. Các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội Việt Nam đều mang thân phận người dân mất nước và đều bị thực dân áp bức, bóc lột, chèn ép nên đều căm phẫn thực dân Pháp. Do đó, mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam lúc này, không chỉ là mâu thuẫn giữa nhân dân, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ và phong kiến, mà đã nảy sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược.

- Các cuộc khởi nghĩa và phong trào đấu tranh của quần chúng chống thực dân Pháp xâm lược diễn ra mạnh mẽ nhưng đều bị thất bại, xã hội Việt Nam rơi vào khủng hoảng về đường lối cách mạng

Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, các cuộc khởi nghĩa và các phong trào đấu tranh của nhân dân ta diễn ra liên tục và mạnh mẽ. Tuy nhiên do thiếu đường lối đúng đắn, thiếu tổ chức và lực lượng cần thiết nên các phong trào đó đã lần lượt thất bại. Phong trào yêu nước theo ý thức hệ phong kiến như phong trào Cần Vương đã chấm dứt với sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng lãnh đạo (1896); phong trào nông dân Yên Thế của Hoàng Hoa Thám kéo dài 30 năm cũng không giành được thắng lợi. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản do các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Lương Văn Can lãnh đạo cũng rơi vào bế tắc. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái do Nguyễn Thái Học lãnh đạo cũng bị thất bại... Cách mạng Việt Nam chìm trong cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước.

2. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước và chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- Giữa lúc dân tộc ta đứng trước cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước, nhiều nhà yêu nước đương thời tiếp tục con đường cứu nước theo lối cũ thì ngày 5/6/1911 người thanh niên Nguyễn Tất Thành (tức là Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh sau này) ra đi tìm đường cứu nước theo phương hướng mới. Với khát vọng cháy bỏng giành độc lập tự do cho dân, cho nước, Nguyễn Tất Thành đã bất chấp mọi nguy hiểm, gian khổ, đi qua nhiều nước của châu Âu, châu Phi, châu Mỹ và đã rút ra chân lý: Chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc thực dân là cội nguồn mọi đau khổ của công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc cũng như ở các nước thuộc địa.

- Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp. Tháng 6 năm 1919, với tên mới là Nguyễn Ái Quốc, Người thay mặt những người yêu nước Việt Nam gửi đến Hội nghị Véc-xây Bản yêu sách của nhân dân An Nam gồm 8 điểm đòi Chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam.

- Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc bản *"Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa"* của Lênin đăng trên báo Nhân đạo và cũng chính từ đây đã giải đáp cho Người con đường đấu tranh giành độc lập tự do thực sự cho dân tộc, cho đồng bào mình.

- Từ ngày 25 đến 30/12/1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp với tư cách đại biểu Đông Dương. Kết thúc Đại hội ngày 30/12/1920, Nguyễn Ái Quốc tán thành thành lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, và cũng là người Cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

- Từ năm 1921-1930, Nguyễn Ái Quốc vừa tiếp tục hoạt động trong Đảng Cộng sản Pháp, nghiên cứu bổ sung và hoàn thiện tư tưởng cứu nước, vừa tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Người tập trung chuẩn bị về tổ chức và cán bộ, lập ra Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (1925), tổ chức nhiều lớp đào tạo cán bộ tại Quảng Châu, Trung Quốc, đồng thời gửi cán bộ đi học tại trường Đại học Phương Đông (Liên Xô) và trường Lục quân Hoàng Phố (Trung Quốc).

Nhờ hoạt động không mệt mỏi của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và nhiều đồng chí cách mạng tiền bối mà đến cuối năm 1929, đầu năm 1930, những điều kiện cho sự ra đời của một Đảng vô sản ở Việt Nam đã chín muồi.

3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn cách mạng, ngày 17/6/1929, Kỳ Bộ Bắc Kỳ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên đã thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng* tại Hà Nội. Tháng 11/1929, các đồng chí Tổng bộ và Kỳ Bộ Nam Kỳ của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên quyết định thành lập *An Nam Cộng sản Đảng*. Ngày 01/01/1930, những đại biểu ưu tú của Tân Việt cách mạng Đảng (một tổ chức tiền thân của Đảng) đã họp và thành lập *Đông Dương Cộng sản Liên Đoàn* ở Trung Kỳ. Tuy nhiên ở một nước có tới ba tổ chức cộng sản nên không tránh khỏi sự phân tán về lực lượng và tổ chức, không thể thống nhất về tư tưởng và hành động. Trách nhiệm lịch sử là phải thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất, chấm dứt tình trạng chia rẽ phong trào Cộng sản ở Việt Nam.

- Từ ngày 6/01 đến ngày 7/2/1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp ở bán đảo Cửu Long thuộc Hồng Kông (Trung Quốc) dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc thay mặt cho Quốc tế Cộng sản. Trong Hội nghị thành lập Đảng, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đề ra 5 điểm lớn cần thảo luận và thống nhất, trước hết là tự phê bình và phê bình, "*Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương*". Hội nghị đã nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản thành lập một đảng, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị đã thông qua các văn kiện gồm: Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng và Lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam gửi đến công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh và tất cả đồng bào bị áp bức, bóc lột nhân dịp thành lập Đảng. Trong đó, Chánh cương vắn tắt của Đảng và sách lược vắn tắt của Đảng phản ánh nội dung cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản có ý nghĩa như Đại hội thành lập Đảng.

- Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) đã quyết nghị lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch mỗi năm làm Ngày kỷ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã mở ra thời kì mới cho cách mạng Việt Nam - thời kì đấu tranh giành độc lập dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng ra đời, đã xác định được những nội dung cơ bản nhất của con đường cách mạng Việt Nam; đáp ứng được những nhu cầu

bức thiết của lịch sử và trở thành ngọn cờ tập hợp, đoàn kết thống nhất các tổ chức cộng sản, các lực lượng cách mạng và toàn thể dân tộc.

- Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là một bước ngoặt vô cùng quan trọng của lịch sử cách mạng Việt Nam, quyết định sự phát triển của dân tộc, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối và tổ chức lãnh đạo của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX. Đó là kết quả của sự vận động, phát triển và thống nhất phong trào cách mạng trong cả nước; sự chuẩn bị công phu về mọi mặt của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và sự đoàn kết nhất trí của những chiến sỹ tiên phong vì lợi ích của giai cấp, của dân tộc.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là thành quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam; chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và việc Đảng chủ trương cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới, đã tranh thủ được sự ủng hộ to lớn của cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại làm nên những thắng lợi vẻ vang; đồng thời đóng góp tích cực vào sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ của nhân loại trên thế giới.

II. NHỮNG MỐC SON CHÓI LỢI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRÊN CHẶNG ĐƯỜNG 90 NĂM VINH QUANG CỦA ĐẢNG

1. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)

Sau khi ra đời, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền với 3 cao trào cách mạng có ý nghĩa to lớn đưa đến thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945. Đó là:

- Cao trào cách mạng 1930-1931 mà đỉnh cao là phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh: Làm rung chuyển chế độ thống trị của đế quốc Pháp và tay sai. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng cách mạng đã vùng dậy trừng trị bọn cường hào, phản động, tay sai thực dân Pháp, thành lập chính quyền cách mạng ở một số nơi theo hình thức Xô Viết. Cao trào cách mạng 1930 - 1931 đã khẳng định đường lối cách mạng Việt Nam do Đảng đề ra là đúng đắn và để lại những bài học quý báu về xây dựng liên minh công - nông, về xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất, về phát động phong trào quần chúng đấu tranh giành và bảo vệ chính quyền.

- Cao trào cách mạng đòi dân sinh, dân chủ (1936 - 1939): Bằng sức mạnh đoàn kết của quần chúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách về dân sinh, dân chủ; quần chúng được giác ngộ về chính

trị và trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng; Đảng đã tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất, kinh nghiệm tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp...

- Cao trào cách mạng giải phóng dân tộc (1939 - 1945) dưới sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết của Đảng, đứng đầu là Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng với sự đoàn kết hăng hái, chiến đấu ngoan cường và hy sinh to lớn của biết bao đảng viên cộng sản, chiến sĩ và đồng bào yêu nước đã kết thúc thắng lợi bằng cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã phá tan sự thống trị của thực dân gần một trăm năm và lật đổ chế độ phong kiến đè nặng lên nhân dân ta mấy mươi thế kỷ, mở ra bước ngoặt vĩ đại của cách mạng, đưa dân tộc Việt Nam bước sang kỷ nguyên mới; kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Khái quát ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *"Chẳng những giai cấp lao động và Nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc"*.

2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước (1945 - 1975)

2.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (1945-1954)

- Trong những năm 1945 - 1946, Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo xây dựng và củng cố vững chắc chính quyền nhân dân, bầu cử Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (6/01/1946); xây dựng và thông qua Hiến pháp dân chủ đầu tiên (9/11/1946); chăm lo xây dựng chế độ mới, đời sống mới của nhân dân, chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm; tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ với sự ủng hộ và chỉ viện của cả nước; kiên quyết trấn áp các thế lực phản cách mạng, bảo vệ chính quyền và thành quả Cách mạng tháng Tám; đồng thời thực hành sách lược khôn khéo, đưa cách mạng vượt qua những thử thách hiểm nghèo. Đảng đã chủ động chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp trên phạm vi cả nước.

- Tháng 12/1946, trước dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa của thực dân Pháp, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động toàn quốc kháng chiến với quyết tâm *"Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ"*. Bằng đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của bạn bè quốc tế, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta lần lượt đánh bại các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp giành thắng lợi mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ *"lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu"*, buộc Chính phủ Pháp phải ký kết Hiệp định Giơnevơ chấm dứt sự thống trị của thực dân Pháp ở nước ta.

2.2. Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1975)

- Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, nhân dân ta bắt tay vào xây dựng, khôi phục kinh tế - văn hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong khi đó ở miền Nam, đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, hất chân thực dân Pháp, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng. Nhiệm vụ của Đảng ta trong giai đoạn này hết sức nặng nề, đó là phải lãnh đạo cách mạng Việt Nam tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược gồm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

- Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân nêu cao quyết tâm đánh Mỹ, thực hiện đường lối chiến tranh nhân dân bằng tầm cao khoa học và nghệ thuật. Với một đế quốc hùng mạnh bậc nhất thế giới, Đảng ta chủ trương đánh lâu dài; kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và hoạt động binh vận; kết hợp tiến công và nổi dậy, tiến hành đấu tranh trên cả ba vùng (đồng bằng, thành thị và miền núi); kết hợp mặt trận quân sự, chính trị với mặt trận ngoại giao; phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và sức mạnh thời đại. Bằng đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt và tinh thần đấu tranh anh dũng kiên cường, bất khuất, bất chấp mọi gian khổ hy sinh của nhân dân ta, cùng với sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh tàn bạo của đế quốc Mỹ, giành nhiều thắng lợi vẻ vang mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đây là một trong những trang chói lọi nhất của lịch sử dân tộc, là một sự kiện có tầm quốc tế và có tính thời đại sâu sắc.

- Song song với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế - xã hội, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sau 21 năm xây

dựng chủ nghĩa xã hội, miền Bắc đã giành được những thành tựu quan trọng, chuẩn bị cơ sở vật chất, kỹ thuật ban đầu cho chủ nghĩa xã hội; vừa sản xuất, vừa chiến đấu và chỉ viện sức người, sức của, hoàn thành vai trò hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam.

3. Thời kỳ tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước, thực hiện công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1975 đến nay

3.1. Từ năm 1975 đến năm 1986

- Sau chiến tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đất nước ta gặp muôn vàn khó khăn, Đảng đã lãnh đạo nhân dân vừa ra sức khôi phục kinh tế vừa tiến hành hai cuộc chiến tranh chống xâm lược biên giới phía Bắc và Tây Nam, bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; đồng thời tập trung lãnh đạo xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân lao động. Tuy nhiên, việc duy trì lâu dài mô hình, cơ chế kinh tế tập trung bao cấp không còn phù hợp và đã bộc lộ những hạn chế, nhược điểm; việc hoạch định và thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, có lúc, có nơi đã mắc sai lầm khuyết điểm chủ quan, duy ý chí. Đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự trì trệ, khủng hoảng kinh tế - xã hội trong những năm đầu cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Trước những thách thức của thời kỳ mới, Đảng ta đã tổng kết thực tiễn, tìm tòi, hoạch định đường lối đổi mới, ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 20/9/1979 của Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV) về "*Phương hướng nhiệm vụ phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương*"; Chỉ thị số 100-CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư về "*Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp*"; Quyết định số 25/QĐ-CP ngày 21/01/1981 của Chính phủ về đổi mới quản lý kinh tế quốc doanh; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khóa V (tháng 6/1985) thừa nhận sản xuất hàng hóa và những quy luật của sản xuất hàng hóa; Kết luận của Bộ Chính trị (tháng 8/1986) về 3 quan điểm kinh tế trong tình hình mới...

3.2. Từ năm 1986 đến nay

- Trên cơ sở đánh giá tình hình đất nước và qua quá trình tìm tòi, khảo nghiệm, Đại hội VI của Đảng (tháng 12/1986) đã đưa ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, mở ra bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Trước bối cảnh mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tạm thời lâm vào thoái trào, Đại hội VII của Đảng

(tháng 6/1991) khẳng định tiếp tục đổi mới đồng bộ, triệt để trên các lĩnh vực với những bước đi, cách làm phù hợp và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, xác định những quan điểm và phương hướng phát triển đất nước, khẳng định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

- Các nghị quyết của Đảng từ Đại hội VIII đến nay tiếp tục khẳng định sự kiên định, kiên trì thực hiện đường lối đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế. Hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới không ngừng được bổ sung và phát triển. Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước hoàn thiện và cụ thể hóa toàn diện các định hướng đổi mới, phát triển, xác định rõ trọng tâm trong từng giai đoạn. Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khóa đã ban hành nhiều nghị quyết về những vấn đề quan trọng; lãnh đạo để Quốc hội không ngừng bổ sung, hoàn thiện, thể chế hóa Hiến pháp, hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý ngày càng đồng bộ, phù hợp cho quá trình đổi mới; lãnh đạo Chính phủ cụ thể hóa thành các cơ chế, chính sách và giải pháp quản lý, quản trị phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

- Qua gần 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991 và gần 35 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước ta vượt qua khủng hoảng kinh tế đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình; đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển. Văn hóa - xã hội có bước phát triển, công tác xóa đói giảm nghèo đạt được những thành tựu quan trọng, sớm đạt được nhiều chỉ tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc, được quốc tế đánh giá cao. Diện mạo đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu, Việt Nam đã có quan hệ với 189 quốc gia và vùng lãnh thổ. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã và đang đạt được một số kết quả tích cực. Số lượng đảng viên không ngừng gia tăng. Từ Đại hội lần thứ I (1935) Đảng ta có khoảng 500 đảng viên đến Đại hội lần thứ XII (2016) Đảng ta có hơn 4,5 triệu đảng viên. Đa số cán bộ, đảng viên và Nhân dân phấn khởi,

tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, vào công cuộc đổi mới và triển vọng phát triển của đất nước. Nhiều đảng viên đã để lại nhiều tấm gương tốt thể hiện tinh thần tiên phong và tính gương mẫu.

- Những thành tựu qua gần 35 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước đã tạo đà cho sự phát triển trong những năm tiếp theo; đồng thời cũng là minh chứng sinh động khẳng định vai trò lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng ta.

4. Những bài học kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam

Thực tiễn phong phú của cách mạng Việt Nam trong suốt 90 năm qua, Đảng ta đã tích lũy và đúc rút được nhiều bài học kinh nghiệm lớn:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: Đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ, nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ

trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan. Phải phòng và chống những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hoá, biến chất của cán bộ, đảng viên.

Phần II

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH - 90 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

I. Thời kỳ vận động thành lập Đảng bộ và quá trình đấu tranh giành chính quyền 1928 - 1945

1. Quá trình hình thành Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam ở Khu mỏ

Sau khi đặt ách thống trị trên đất nước ta, thực dân Pháp tăng cường vơ vét tài nguyên, của cải về nước Pháp, mà khu mỏ than Quảng Ninh là mục tiêu số một trong chính sách khai thác thuộc địa của chúng; đội ngũ công nhân mỏ ra đời. Khu mỏ Hòn Gai - Cẩm Phả, Uông Bí - Vàng Danh và Đông Triều trở thành một trong những chiếc nôi sản sinh ra giai cấp công nhân Việt Nam. Ngay từ khi mới ra đời, đội ngũ công nhân mỏ cùng với nông dân và các tầng lớp lao động đứng lên đấu tranh giành quyền sống.

Giữa lúc cách mạng Việt Nam đang đứng trước sự khủng hoảng sâu sắc về đường lối, Nguyễn Ái Quốc sau nhiều năm bôn ba tìm đường cứu nước Người đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, tìm ra con đường cứu dân cứu nước, Người thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, đào tạo cán bộ truyền bá vào Việt Nam. Đầu năm 1928, hàng loạt cán bộ, hội viên của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên được cử về các hầm mỏ, xí nghiệp, đồn điền... hoạt động. Với phong trào "vô sản hóa", truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, đã nhanh chóng thúc đẩy quá trình hình thành chính Đảng vô sản ở nước ta. Cuối năm 1928, chi bộ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên được thành lập ở Cửa Ông - Cẩm Phả. Trong vòng nửa năm, cơ sở của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên đã phát triển hầu hết các khu vực Cẩm Phả, Hòn Gai, Uông Bí, Vàng Danh, Mạo Khê.

Phong trào cách mạng cả nước yêu cầu phải có một tổ chức cách mạng để lãnh đạo. Tháng 6/1929, Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập ở Bắc Kỳ. Thực hiện chủ trương trên, giữa năm 1929, các chi bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở khắp Khu mỏ lần lượt giải thể với tinh thần tự nguyện, nhất trí cao để thành lập các chi bộ Đông Dương cộng sản Đảng. Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời ở Khu mỏ đẩy phong trào cách mạng tiến lên một bước mới. Ngày 7/11/1929, lần đầu tiên các

chi bộ Đông Dương cộng sản Đảng ở Khu mỏ tổ chức kỷ niệm cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, chứng tỏ rằng: Phong trào công nhân và phong trào yêu nước khi được chủ nghĩa Mác - Lênin thâm nhập thì sức mạnh của nó được nhân lên gấp bội. Cuối tháng 2/1930, chi bộ Đảng đầu tiên được thành lập ở Khu mỏ, tại căn nhà nhỏ đơn sơ, hẻo lánh cạnh xóm thợ phía nam của mỏ (nay thuộc xóm Dân Chủ thị trấn Mạo Khê, đồng chí Phùng (tức Nguyễn Văn Cừ) phụ trách Khu mỏ, giới thiệu đồng chí Trọng (tức Nguyễn Đức Cảnh) Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng công nhận các đồng chí: Đặng Châu Tuệ, Vũ Thị Mai, Bùi Đức Giao, Nguyễn Huy Sán vào Đảng, đồng chí Đặng Châu Tuệ được chỉ định làm Bí thư chi bộ.

Tháng 4/1930, các Đảng ủy mỏ như Hòn Gai - Cẩm Phả, Uông Bí - Vàng Danh được thành lập. Đến tháng 9/1930, Xứ ủy Bắc Kỳ quyết định tách Đảng ủy Hòn Gai - Cẩm Phả thành hai Đảng ủy Hòn Gai và Đảng ủy Cẩm Phả - Cửa Ông. Tháng 10/1930, Hội nghị Trung ương Đảng đã quyết định thành lập các Khu đặc biệt để lãnh đạo phong trào cách mạng. Đảng bộ Đặc khu Đông Triều - Hòn Gai - Cẩm Phả ra đời vào cuối tháng 10/1930. Đồng chí Vũ Văn Hiếu được cử làm Bí thư đầu tiên của Đảng bộ Khu mỏ.

2. Đảng bộ lãnh đạo cao trào 1930 - 1931 và 1936 - 1939

Mở đầu cao trào cách mạng 1930 - 1931 ở Khu mỏ là cuộc đấu tranh của công nhân Nhà máy sàng Cửa Ông ngày 8/4/1930. Tiếp đó, ngày 01/5/1930, lần đầu tiên, Đảng bộ Khu mỏ đã lãnh đạo cuộc đấu tranh thống nhất trong toàn Khu mỏ kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động, đây là một cuộc tập dượt lực lượng cách mạng của quần chúng và cũng là đỉnh cao của cao trào cách mạng 1930 - 1931 ở Khu mỏ. Trải qua đấu tranh gian khổ và ác liệt, Đảng bộ Khu mỏ ngày càng được tôi luyện và trưởng thành. Đến tháng 10/1930, mới tính có 5 chi bộ (Hòn Gai - Hà Tu, Cẩm Phả, Cửa Ông, Uông Bí, Vàng Danh) đã có 64 đảng viên Cộng sản...

Tháng 10/1930, toàn Khu mỏ dậy lên phong trào đấu tranh với khẩu hiệu "ủng hộ Nghệ Tĩnh đỏ" và cuộc đấu tranh của nông dân tỉnh Thái Bình, truyền đơn kêu gọi công nhân, nông dân biểu tình phản đối chính sách đàn áp dã man của thực dân Pháp được rải ở nhiều nơi như Hòn Gai, Hà Tu, Cẩm Phả, Cửa Ông.

Trước sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh cách mạng ở Khu mỏ, từ cuối tháng 10/1930, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp các cơ sở cách mạng và phong trào đấu tranh của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đến tháng 02/1931, hầu hết các đồng chí trong Đặc khu ủy, Đảng ủy Hòn Gai và nhiều cán bộ đảng viên ở Khu mỏ bị giặc bắt. Từ 64 đảng viên, 43 hội viên Công hội đỏ (tháng 10/1930), chỉ còn 38 đảng viên và 29 hội viên Công hội đỏ (tháng 12/1930). Đến tháng 4/1931, chỉ còn 8 đảng

viên và 10 hội viên Công hội đỏ. Cuối năm 1931 đầu năm 1932, hầu hết các tổ chức Đảng ở Khu mỏ từ chi bộ đến Đảng uỷ mỏ và Đặc khu uỷ đều bị phá vỡ. Ngày 26/01/1931, những đảng viên hoạt động ở Khu mỏ bị địch bắt trong cao trào cách mạng 1930 - 1931, bị thực dân Pháp đưa ra xử tại toà án đặc biệt ở Kiên An, đã hiên ngang trước kẻ thù, lên án chủ nghĩa đế quốc và tuyên truyền cho lý tưởng cộng sản cao đẹp, tiêu biểu là: đồng chí Vũ Văn Hiếu, Nguyễn Thị Lưu, Ngô Huy Tăng...

Mặc dù gặp nhiều tổn thất, song khủng bố trắng của thực dân Pháp không thể dập tắt được phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân Khu mỏ. Trong thời kỳ 1932 - 1935, công nhân các mỏ Hà Lâm, Hà Tu, Mông Dương, Cẩm Phả vẫn bí mật tiến hành nhiều hoạt động phá hoại sản xuất của địch, gây nhiều thiệt hại về kinh tế đối với các chủ mỏ.

Phong trào cách mạng ở Khu mỏ được Trung ương Đảng hết sức quan tâm. Giữa năm 1935, đồng chí Hoàng Đình Giọng, ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã về Khu mỏ Hòn Gai - Cẩm Phả chỉ đạo việc củng cố xây dựng lại phong trào. Do đó, phong trào cách mạng ở Khu mỏ được phục hồi, nhiều cuộc đấu tranh chống lại bọn thực dân chủ mỏ lại nổ ra như cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy cơ khí Uông Bí và các mỏ: Cẩm Phả, Hà Lâm...

Từ sau hội nghị tháng 7/1936, phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ đã phát triển mạnh mẽ và sâu rộng trong cả nước. Tại Khu mỏ, mở đầu cao trào đòi quyền dân sinh, dân chủ là cuộc đấu tranh quyết liệt của 01 vạn công nhân mỏ Cẩm Phả, nổ ra ngày 12/11/1936. Tiếp đó, ngày 23/11/1936, công nhân nhà máy cơ khí Hòn Gai bãi công, ngày 25/01/1936 phong trào bãi công đã lan tới Cửa Ông, Ké Bào, Cái Đá, Đồng Đăng... tạo thành cuộc tổng bãi công của 3 vạn công nhân Khu mỏ làm chấn động dư luận cả nước, giống một đòn choáng váng vào bọn đế quốc Pháp và chủ mỏ. Cuộc Tổng bãi công tháng 11/1936 của hơn 3 vạn công nhân Khu mỏ cùng với cuộc đấu tranh của công nhân Hãng Ba Son (Sài Gòn) được Đảng đánh giá cao "là những cuộc đấu tranh quan trọng nhất" trong phong trào cách mạng 1936-1939 của cả nước.

3. Đảng bộ Đặc khu Hòn Gai, Quảng Yên và Hải Ninh lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền (1939 - 1945)

Hội nghị Trung ương lần thứ 6 tháng 11/1939 đã phân tích sâu sắc tình hình quốc tế, tình hình Đông Dương và trong nước, xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phản động tay sai, giải phóng dân tộc và làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Đường lối giải phóng dân tộc đề ra tại Hội nghị Trung ương 6 tiếp tục được phát triển và hoàn thiện tại các Hội nghị Trung ương 7 tháng 11/1940 và Hội nghị Trung ương 8 tháng 5/1941. Được đường lối của

Đảng soi sáng, Đảng bộ Đặc khu Hòn Gai, tỉnh Quảng Yên, tỉnh Hải Ninh tích cực củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, phát triển mặt trận Việt Minh, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị các điều kiện, chờ thời cơ để giành chính quyền.

Từ đầu năm 1942 đến đầu năm 1945, nhiều cán bộ của Đảng sau khi mãn hạn tù hoặc trốn khỏi nhà tù trong dịp Nhật đảo chính Pháp 9/3/1945 đã trở về Khu mở hoạt động, xây dựng phong trào cách mạng tiến tới thành lập chiến khu chống Nhật ở vùng Đông Bắc - Duyên hải Bắc bộ. Mặt trận Việt Minh lần lượt ra đời ở hầu khắp các nơi trong toàn tỉnh. Nhiều nơi được Xứ ủy Bắc kỳ chỉ đạo, nhân dân vùng Đông Triều, Chí Linh đã nhanh chóng xây dựng lực lượng vũ trang. Sáng ngày 8/6/1945, quân khởi nghĩa kết hợp với lực lượng Việt Minh, tiến công các đồn: Đông Triều, Chí Linh, Mạo Khê, Trảng Bạch giành thắng lợi. Chiều ngày 8/6/1945, nghĩa quân tổ chức cuộc mít-tinh tại làng Hồ Lao, Đông Triều tuyên bố thành lập chiến khu Trần Hưng Đạo.

Tháng 7/1945, quân khởi nghĩa tiến đánh địch ở nhiều nơi, ngày 20/7/1945 đánh chiếm tỉnh lỵ Quảng Yên. Đây là thị xã (tỉnh lỵ) đầu tiên của cả nước giành được chính quyền trong thời kỳ tiền khởi nghĩa.

Tháng 8/1945, Nhật đầu hàng quân đồng minh, chiến tranh thế giới lần thứ 2 kết thúc. Tại Khu mở, sau khi quân Nhật đầu hàng quân Đồng minh, bọn phản động Việt Cách - tay sai của Tưởng, kéo về chiếm đóng một số địa bàn trọng yếu như Hòn Gai, Cẩm Phả, Hải Ninh. Trước tình hình khó khăn phức tạp đó, sau khi giành được chính quyền ở Hải Phòng, Quảng Yên, chiến khu đã cử lực lượng quân sự về hỗ trợ nhân dân giành chính quyền ở thị xã Hồng Gai ngày 26/8/1945, ở Cẩm Phả ngày 27/9/1945, ở Tiên Yên giữa tháng 10/1945, Đầm Hà ngày 27/01/1946. Tại Móng Cái, tháng 7/1946, Chính phủ ta cử cán bộ ra cùng với địa phương thành lập chính quyền cách mạng. Tại một số địa phương như Hà Cối, Ba Chẽ, các đảo Vạn Hoa, Cô Tô, do tình hình khó khăn phức tạp, đến khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ta vẫn chưa thành lập được chính quyền.

Mặc dù vậy, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Đặc Khu Hòn Gai, Quảng Yên và Hải Ninh là một thắng lợi to lớn trong lịch sử đấu tranh của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, đưa công nhân mỏ và nhân dân lao động từ người làm thuê, người dân mất nước lên địa vị người làm chủ đất nước.

II. Thời kỳ đấu tranh giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1955)

Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền dân chủ nhân dân vừa được thành lập đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn thử thách, phải đối phó với

Tại tỉnh Hải Ninh, ngày 20/12/1946, thực dân Pháp nổ súng tấn công ta, lực lượng quân sự ở Hải Ninh đã tổ chức đánh địch rồi rút về xây dựng phòng tuyến đường số 4. Tiến hành công tác xây dựng lực lượng kháng chiến lâu dài.

Vượt lên những khó khăn, gian khổ trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, quân dân Quảng Hồng, Hải Ninh từng bước trưởng thành, lần lượt giành được nhiều thắng lợi quan trọng trong chiến dịch Thu Đông 1947, các chiến dịch Đông Bắc I (tháng 10/1948), Đông Bắc II (tháng 3/1949), chiến dịch Biên giới năm 1950 và chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954 với đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ chống thực dân Pháp xâm lược, quân dân Quảng Yên, Đặc khu Hòn Gai và Hải Ninh đã chiến đấu 3.159 trận, tiêu diệt và làm bị thương 22.100 tên địch, bắt sống 2.381 tên, thu 8.000 khẩu súng các loại.

Cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp của nhân dân ta giành được thắng lợi to lớn, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết. Ngày 20/8/1954, tên lính Pháp cuối cùng rút khỏi Tiên Yên, tỉnh Hải Ninh được hoàn toàn giải phóng. Tại khu vực Hòn Gai, Cẩm Phả, ngày 25/4/1955, những tên lính viễn chinh Pháp cuối cùng rút khỏi Khu mỏ, lực lượng của ta vào tiếp quản và tổ chức lễ ăn mừng chiến thắng với sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân.

III. Thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, chỉ viện cho cách mạng miền Nam (1955-1975)

Sau khi miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng. Tháng 2/1955, Trung ương quyết định hợp nhất tỉnh Quảng Yên và Đặc khu Hòn Gai thành khu Hồng Quảng. Đảng bộ tỉnh Quảng Yên và Đảng bộ Đặc khu Hòn Gai hợp nhất thành Đảng bộ khu Hồng Quảng.

Dưới ánh sáng của các Nghị quyết Trung ương, Đảng bộ khu Hồng Quảng và Đảng bộ tỉnh Hải Ninh đã lãnh đạo nhân dân bắt tay vào thực hiện các nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Qua 3 năm thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa (XHCN) đối với thành phần kinh tế cá thể, tư bản tư nhân và thực hiện chế độ quản lý xí nghiệp quốc doanh, quan hệ sản xuất XHCN được hình thành, kinh tế quốc doanh đóng vai trò chủ đạo, đánh dấu sự thay đổi lớn lao sâu sắc trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội của nhân dân khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh.

Tháng 10/1963 Quốc hội khoá II nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), tại kỳ họp thứ 7 đã phê chuẩn việc hợp nhất tỉnh Hải Ninh và Khu Hồng Quảng thành một đơn vị hành chính mới lấy tên là tỉnh Quảng Ninh. Ngày 18/11/1963, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Nghị

quyết số 85-NQ/TW quyết định hợp nhất 2 Đảng bộ Khu ủy Hồng Quảng và Tỉnh ủy Hải Ninh thành Tỉnh ủy Quảng Ninh.

Trước những thất bại nặng nề ở chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ và tay sai tiến hành leo thang chiến tranh, sử dụng không quân và hải quân tiến hành đánh phá miền Bắc. Đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, Đảng bộ Quảng Ninh đã nhanh chóng chuyển hướng mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến. Trong 8 năm chiến tranh phá hoại ở Quảng Ninh, giặc Mỹ đã dùng 8.000 lượt chiếc máy bay ném 388.732 quả bom, hàng trăm quả thủy lôi. Nhưng với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, “thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”, quân dân Quảng Ninh kiên trì bám trụ vừa sản xuất, vừa chiến đấu đánh trả máy bay kẻ thù 5.150 trận, bắn rơi 200 chiếc. Với những thành tích đó, Quảng Ninh nhiều lần được ghi tên vào lá cờ quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, năm 1968 được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng “Cờ thưởng luân lưu quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Với những thành tích đã đạt được, cán bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ninh được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập Hạng nhất, 11 đơn vị được phong tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

IV. Đảng bộ lãnh đạo nhân dân trong tỉnh cùng cả nước tiến lên CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN (1975 đến nay)

1. Khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, bảo vệ vững chắc biên giới phía Bắc, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù (1975 - 1986)

Thực hiện các nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, trong giai đoạn 1975 - 1985, nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực.

Công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thể trận chiến tranh nhân dân được xây dựng, củng cố vững mạnh. Tỉnh ủy đã có nhiều Chỉ thị, nghị quyết chỉ đạo, kịp thời củng cố an ninh quốc phòng vùng biên giới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ vững chắc biên giới phía Bắc của Tổ quốc. Các huyện biên giới, hải đảo, các vùng xung yếu được củng cố. Tình đoàn kết quân dân ngày càng gắn kết. Việc kết hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng bước đầu được thực hiện đúng đắn.

Trên lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp được tỉnh chú trọng đầu tư và có những bước tiến quan trọng. Về nông nghiệp: năm 1983 được Hội đồng Bộ trưởng tặng Cờ luân lưu. Trong sản xuất công nghiệp, giá trị sản lượng công nghiệp tăng 22%, than địa phương năm 1984 khai thác được 32.072 tấn, tăng gấp 2 lần năm 1980.

Lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa có nhiều tiến bộ, hàng năm nhiều đội tuyển học sinh của tỉnh đạt thứ hạng cao trong các kỳ thi học sinh giỏi khu vực phía Bắc, đội ngũ giáo viên bình quân tăng 343 người/năm. Công tác y tế phát triển nhanh. Đến năm 1984 Quảng Ninh đã có 24 bệnh viện, 3 Viện điều dưỡng. Đội ngũ y - bác sỹ thường xuyên được tăng cường, đảm bảo trình độ năng lực khám chữa bệnh cho nhân dân.

Công tác xây dựng Đảng được chú trọng, nhất là cơ sở Đảng vùng biên giới, trong các cơ sở và ban ngành trọng yếu. Công tác phát triển đảng viên giai đoạn 1981-1985 bằng 2 lần giai đoạn 1976-1980. Đến năm 1985, số cơ sở Đảng được công nhận vững mạnh chiếm 26,4% so với tổng số tổ chức cơ sở đảng, 2/12 Đảng bộ huyện, thị xã được Trung ương công nhận đạt tiêu chuẩn vững mạnh.

2. Thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng (1986 đến nay)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, bao gồm đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới về công tác tổ chức cán bộ, đổi mới phương pháp lãnh đạo và phong cách công tác.

Kể từ đó tới nay, công cuộc đổi mới đã thực hiện được hơn 30 năm với 07 nhiệm kỳ đại hội. Trong quãng thời gian đó, tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, đất nước có nhiều đổi thay. Bối cảnh đó có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức. Song, dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng của các tầng lớp nhân dân, sự nghiệp đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đối với tỉnh Quảng Ninh, hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới cũng là một thời kỳ lịch sử ghi lại nhiều dấu ấn với những kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân... Những thành tựu đó chính là thực tiễn sinh động minh chứng cho sự đúng đắn của đường lối đổi mới do Đảng lãnh đạo trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử. Từ thực tiễn sinh động hơn 30 năm đổi mới cùng đất nước đã mang lại nhiều bài học kinh nghiệm có ý nghĩa hết sức quan trọng, là tài sản quý báu trong hành trình Quảng Ninh tiếp tục đổi mới, phát triển trong thế kỷ XXI.

Hơn 30 năm đổi mới, Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã đề ra, theo đuổi, nỗ lực phấn đấu hướng tới những mục tiêu có tính chiến lược, định hướng cho sự phát triển của tỉnh Quảng Ninh.

- Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII (15-20/10/1986) trên cơ sở quán triệt tinh thần đổi mới, đồng thời căn cứ bối cảnh, tình hình cụ thể đã xác định: *Xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

- Đại hội IX (22-26/10/1991) đã thông qua chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2000 với mục tiêu: Ổn định tình hình kinh tế - xã hội, nhanh chóng đưa nền kinh tế của tỉnh thoát ra khỏi tình trạng chậm phát triển, tạo được thế phát triển một cách vững chắc; xây dựng tỉnh nhà giàu mạnh, tăng nhanh khả năng tích lũy và cải thiện đời sống nhân dân; củng cố nền quốc phòng toàn dân, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. *Phấn đấu đến năm 1995, tỉnh chủ động cân đối được thu - chi và có ít nhất 50% huyện, thị xã tự cân đối được ngân sách từ nguồn thu tại chỗ.*

Trong công tác xây dựng Đảng: Tiếp tục đổi mới tư duy nhận thức, nâng cao trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đảng; phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ luật; xây dựng Đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức...

- Đại hội X (7-10/5/1996) đã thẳng thắn chỉ rõ: *Kinh tế của Quảng Ninh trong những năm qua tuy có bước tăng trưởng, nhưng so với yêu cầu đề ra vẫn ở mức thấp. Nếu không tạo được sự tiến bộ vượt bậc về xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển kinh tế - xã hội thì Quảng Ninh sẽ có nguy cơ bị tụt hậu so với các tỉnh bạn và không tương xứng với tiềm năng, thế mạnh vốn có của mình.*

Vấn đề xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã bắt đầu được Tỉnh chú trọng quan tâm, coi là khâu có tính đột phá tạo ra sự phát triển của Quảng Ninh. Chính vì vậy, đề ra quan điểm chủ đạo chỉ đạo giai đoạn này là, đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp và du lịch, phát triển và tăng cường nguồn lực kinh tế, đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, từng bước nâng cao đời sống nhân dân và tạo điều kiện cho bước phát triển sau những năm 2000.

- Đại hội XI (10-12/01/2001) xác định mục tiêu: Mười năm tới, Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh phải tập trung cao mọi nỗ lực để khai thác tốt mọi tiềm năng, lợi

thể, xây dựng Quảng Ninh phát triển với tốc độ nhanh, ổn định, bền vững cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái; ***đưa Quảng Ninh thực sự trở thành một địa bàn động lực và phát triển năng động*** gắn kết với các địa phương khác trong vùng trọng điểm kinh tế Bắc Bộ.

- Đại hội XII (01-04/11/2005) xác định mục tiêu: Tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ và đồng bộ; động viên mọi nguồn lực để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, mà trọng tâm là kinh tế quốc tế; phấn đấu phát triển kinh tế với tốc độ cao, ổn định, bền vững, gắn kết với các lĩnh vực văn hóa - xã hội; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị; bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội; ***phấn đấu xây dựng Quảng Ninh thực sự trở thành một địa bàn động lực, phát triển năng động trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2015.***

- Đại hội XIII (28-30/9/2010) xác định mục tiêu: tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng; nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị. Phát triển kinh tế với tốc độ nhanh và bền vững trên cơ sở nâng cao hơn nữa năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế. Tạo bước phát triển đột phá về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và phát triển nông thôn, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Phát triển văn hóa, xã hội tương xứng với phát triển kinh tế; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, cải thiện rõ rệt môi trường sinh thái. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Mở rộng, phát huy dân chủ và sức sáng tạo của nhân dân. ***Phấn đấu xây dựng Quảng Ninh thực sự trở thành một địa bàn động lực, năng động của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, của ngõ quan trọng trong hợp tác quốc tế, đến năm 2015 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.***

- Đại hội XIV (12-14/10/2015) xác định mục tiêu: ***Xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh có cơ cấu kinh tế dịch vụ, công nghiệp; là trung tâm du lịch chất lượng cao của khu vực, một trong những cực tăng trưởng kinh tế của miền Bắc*** với hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giảm nghèo bền vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh; giữ vững chủ quyền biên giới; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ và cải thiện rõ rệt môi trường sinh thái; gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa, sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; bảo tồn và phát huy bền vững các giá

trị của Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long và các khu danh thắng, di tích lịch sử.

Cùng cả nước tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ, thực tiễn hơn 30 năm qua, trong bối cảnh đất nước khó khăn trước thềm công cuộc đổi mới, dù lúc bấy giờ Quảng Ninh đối mặt không ít khó khăn nan giải, điều kiện khu vực và tình hình thế giới diễn biến phức tạp khó lường, và dù hiện nay còn không ít trở lực lâu dài và trước mắt, nhưng với tất cả những kết quả đạt được, đã góp phần làm nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của cả nước, càng cho thấy, quyết sách chính trị chiến lược về công cuộc đổi mới toàn diện của Đảng ta, kể từ Đại hội VI, là vô cùng đúng đắn, sáng tạo, hợp lòng dân và hợp với sự phát triển của thế giới. Đất nước ta tạo dựng thể và lực mới, xác lập vị thế mới, với tầm vóc mới trên trường quốc tế, tiếp tục phát triển mạnh mẽ và bền vững, với gia tốc mới và Quảng Ninh ngày càng vững vàng và trường thành.

Đồng thời, qua hơn 30 năm đổi mới, thực tiễn càng khẳng định, dưới ngọn cờ của Trung ương Đảng, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Quảng Ninh khẳng định và thể hiện bản lĩnh chính trị kiên định, sức sáng tạo mạnh mẽ và tinh thần hành động bền bỉ, quyết liệt, và qua đó, trường thành toàn diện, trên mỗi chặng đường phấn đấu, trưởng thành và phát triển. Ở những “khúc quanh” khắc nghiệt, những thời khắc khó khăn, thử thách của công cuộc đổi mới, tầm nhìn ấy, bản lĩnh ấy, năng lực hành động ấy, càng được tôi luyện. Đặc biệt, tầm nhìn xa rộng, tinh thần chủ động, kiên quyết, kiên trì, không ngừng đổi mới sáng tạo thông qua thường xuyên tổng kết thực tiễn gắn chặt với nghiên cứu lý luận để không ngừng hoàn thiện các quyết sách đổi mới tổng thể và trên từng lĩnh vực một cách toàn diện và thống nhất là phương châm lãnh đạo, chỉ đạo và hành động bao trùm và xuyên suốt 30 năm đổi mới ở mỗi cấp ủy, từng cấp chính quyền và tinh thần đổi mới thấm trong hành động mỗi người dân Quảng Ninh.

Với tất cả những thành tựu đã đạt được, những bài học kinh nghiệm được tổng kết, những nguy cơ và thách thức được nhận diện từ 30 năm đổi mới, kể từ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII tới nay; dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, sự giúp đỡ của các ban, bộ, ngành ở Trung ương, sự phối hợp của các tỉnh, thành phố, sự ủng hộ của nhân dân cả nước, sự giao lưu và phối hợp của bạn bè quốc tế, với tầm nhìn tới năm 2030, trước mắt tới 2020, những quyết sách lớn đã hoạch định, những giải pháp lớn khả thi, với sự đồng lòng của toàn Đảng bộ, toàn thể nhân dân và toàn quân Quảng Ninh chủ động và tự tin tiếp tục giành những thành công lớn hơn nữa, có ý nghĩa quan trọng hơn nữa, cùng cả nước, vì cả nước, quyết tâm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, dân

chủ, công bằng, văn minh, xứng đáng với sự tin cậy của Trung ương Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội, đáp lại lòng mong mỏi của nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế.

Phần III

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VỀ VANG, TÍCH CỰC XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH VỮNG MẠNH VỀ CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG, TỔ CHỨC VÀ ĐẠO ĐỨC

1. Những truyền thống về vang của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta xây dựng nên nhiều truyền thống quý báu, thể hiện bản chất tốt đẹp.

Đó là truyền thống trung thành vô hạn với lợi ích của dân tộc và giai cấp, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chỉ có đi theo con đường cách mạng mà Đảng ta và Bác Hồ đã lựa chọn thì cách mạng Việt Nam mới giành được thắng lợi trọn vẹn, đất nước ta mới thật sự được độc lập; dân tộc ta mới thật sự được tự do; nhân dân ta mới có cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

Đó là truyền thống giữ vững độc lập, tự chủ về đường lối; nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tham khảo kinh nghiệm của quốc tế để đề ra đường lối đúng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cách mạng. Trong mỗi giai đoạn, Đảng ta luôn thấm nhuần quan điểm chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam để xác định phương hướng, nhiệm vụ, phương pháp của cách mạng Việt Nam.

Đó là truyền thống gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân, luôn luôn lấy việc phục vụ nhân dân làm lẽ sống và mục tiêu phấn đấu. Nhân dân ta đã nuôi dưỡng và bảo vệ Đảng từ những ngày còn trứng nước, hết lòng tin yêu Đảng, ủng hộ và ra sức phấn đấu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Sức mạnh vô tận của nhân dân làm nên sức mạnh vô địch của Đảng; nguồn gốc sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó máu thịt với nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Đó là truyền thống đoàn kết thống nhất, có tổ chức và kỷ luật chặt chẽ trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình, phê bình và tình thương yêu đồng chí. Trải qua những thử thách khắc nghiệt trong nhà tù đế quốc, trước lưỡi lê, họng súng của kẻ thù hay trên chiến trường lửa đạn, những người cộng sản Việt Nam đã nêu

những tấm gương sáng ngời về tinh thần đoàn kết gắn bó, thương yêu nhau; về tình đồng chí, đồng đội. Chính tinh nghĩa Cộng sản đó đã gắn kết những người cách mạng Việt Nam thành một đội tiên phong gang thép được nhân dân tin yêu, bạn bè ngưỡng mộ, kẻ thù khiếp sợ; tạo thành sức mạnh để Đảng ta vượt qua mọi thử thách, hy sinh, giữ vững niềm tin và giương cao ngọn cờ lãnh đạo.

Đó là truyền thống đoàn kết quốc tế thủy chung, trong sáng dựa trên những nguyên tắc và mục tiêu cao cả. Đây là cơ sở vững chắc để Đảng ta hình thành và thực hiện thành công đường lối đối ngoại đúng đắn qua các thời kỳ, phát huy đến đỉnh cao sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đưa cách mạng Việt Nam liên tục phát triển.

Những truyền thống quý báu của Đảng ta là sự kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam và giai cấp công nhân quốc tế trên một tầm cao mới của thời đại; là sức mạnh bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng; là kết quả của quá trình vun trồng, xây đắp bền bỉ, là sự hy sinh xương máu, phấn đấu không mệt mỏi của các thế hệ cán bộ, đảng viên.

Những truyền thống ấy của Đảng có ý nghĩa dân tộc và ý nghĩa quốc tế sâu sắc, thể hiện tinh thần cách mạng triệt để. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng đã nắm bắt đúng xu thế phát triển của thời đại, gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, giải quyết đúng đắn vấn đề độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Trên con đường phát triển của cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã không ngừng đưa ra những quyết sách phù hợp, đáp ứng yêu cầu lịch sử, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa nước nhà đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

2. Tích cực xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh

- Những thắng lợi vĩ đại trong 90 năm qua kể từ ngày có Đảng lãnh đạo là minh chứng sinh động nhất về năng lực lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và sức mạnh to lớn của Nhân dân ta. Đảng đã không ngừng tự đổi mới, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trước bối cảnh thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Đảng ta đã dành không ít thời gian và công sức cho công tác xây dựng Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, được đặt ra trong nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII đến nay, với quyết tâm chính trị cao, Ban Chấp hành Trung ương đã bám sát 6 nhiệm vụ trọng tâm của Đại hội, ban hành 4 nghị quyết và 01 quy định để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành 124 văn bản (nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, quy chế, kế hoạch, hướng dẫn...) về công tác xây dựng Đảng, trong đó kịp thời ban hành

các nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ mới, quan trọng như: thực hiện một số mô hình thí điểm về tổ chức bộ máy; việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức chạy quyền; trách nhiệm nêu gương của cán bộ đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp; về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng và chiến lược an ninh mạng quốc gia; về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới... Việc Trung ương ban hành kịp thời, đồng bộ hệ thống văn bản trên hầu hết trên các lĩnh vực đã tạo cơ sở chính trị quan trọng để đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới.

Sau thời gian triển khai thực hiện, Công tác xây dựng Đảng đã đạt được những chuyển biến tích cực và kinh nghiệm quan trọng. Bản lĩnh chính trị, trình độ, năng lực lãnh đạo của Đảng ngày càng được nâng lên; Đảng luôn vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức trong bối cảnh trong nước, khu vực, thế giới có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường và có những quyết sách phù hợp để chỉ đạo xử lý kịp thời, hiệu quả. Bản chất, lập trường giai cấp công nhân của Đảng được giữ vững. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt và người đứng đầu các cấp từng bước được nâng lên. Tinh thần tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên có tiến bộ; việc ngăn chặn, xử lý tiêu cực, sai phạm, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí có chuyển biến rõ nét. Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng đến nay đã có trên 50 nghìn cán bộ, đảng viên bị xử lý kỷ luật, trong đó có hơn 70 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý. Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng đã kỷ luật 7 tổ chức đảng. Tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, ý thức trách nhiệm của cán bộ đối với công việc được giao được nâng lên, góp phần khắc phục một bước tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Niềm tin của cán bộ và các tầng lớp nhân dân đối với Đảng ngày càng được củng cố và nâng cao.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng vẫn còn nhiều việc phải làm, nhất là việc đấu tranh chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, xa dân... Các thế lực thù địch vẫn đang tìm mọi cách phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta; chúng ra sức xuyên tạc, vu cáo Đảng, Nhà nước ta, đánh thẳng vào hệ tư tưởng, Cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng, kích động, chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân, hòng làm tan rã Đảng ta, chế độ ta từ gốc, từ bên trong, hết sức thâm độc và nguy hiểm.

Trong tình hình ấy, chúng ta càng cần phải tập trung làm tốt hơn nữa công tác xây dựng Đảng. Phương hướng chung của việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay là

phải tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp, giữ vững và tăng cường bản chất cách mạng và tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân, bảo đảm cho Đảng đủ sức lãnh đạo sự nghiệp của đất nước không ngừng phát triển.

Trong điều kiện Đảng ta là Đảng cầm quyền, hoạt động trong môi trường phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập quốc tế; cán bộ, đảng viên giữ nhiều trọng trách, đối mặt với bao cám dỗ, với mặt trái của cơ chế thị trường, chúng ta càng phải chăm lo giữ vững bản chất cách mạng và tính tiên phong của Đảng. Nếu không nhận thức sâu sắc điều này, nếu cán bộ, đảng viên không tích cực và kiên trì rèn luyện thì rất dễ bị thoái hóa, biến chất. Vấn đề giữ vững bản chất của Đảng - là một Đảng Cộng sản, đảng cách mạng chân chính, hoạt động vì sự nghiệp của giai cấp công nhân, của dân tộc, vì lợi ích của nhân dân là vấn đề hết sức cơ bản và quan trọng.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã khẳng định: Phải nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật. Kết hợp giữa “xây” và “chống”; “xây” là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; “chống” là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách. Kiên quyết, kiên trì thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn; phát huy sự chủ động, sáng tạo và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nhân dân, trong đó cán bộ lãnh đạo, quản lý, trước hết là cán bộ cấp cao, cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cấp là nòng cốt; thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có hiệu quả, nhất là những vụ việc gây bức xúc trong dư luận để củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Tăng cường sự lãnh đạo và đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy các cấp. Giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương của Đảng; đề cao pháp luật của Nhà nước. Chủ động phòng ngừa, tích cực đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị.

Tự hào với những thắng lợi đã đạt được, hướng tới tương lai tươi sáng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn vững tay lái, tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh

bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

*

Kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vô cùng tự hào vì đất nước có một Đảng Cộng sản kiên cường, trung thành với Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lãnh đạo Nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, làm nên những kỳ tích vĩ đại trong lịch sử dân tộc, đóng góp xứng đáng vào phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, vì hòa bình và tiến bộ của nhân loại. Tự hào về Đảng quang vinh, về Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân Việt Nam ở trong nước và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài càng thấy rõ hơn trách nhiệm của mình, nguyện đi theo Đảng, xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, tiếp tục lãnh đạo nhân dân ta đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, thực hiện thắng lợi mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, xây dựng một nước Việt Nam phồn vinh, hòa bình và thịnh vượng.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY QUẢNG NINH